# 27. Đăng ký thuế trong trường hợp chia, tách, hợp nhất, sáp nhập tổ chức.

**- Trình tự thực hiện:**

+ Bước 1:

++ Đối với trường hợp chia tổ chức:

+++ Tổ chức bị chia: nộp hồ sơ đề nghị chấm dứt hiệu lực mã số thuế đến cơ quan thuế quản lý trực tiếp trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày có Quyết định chia tổ chức hoặc văn bản tương đương.

+++ Các tổ chức mới thành lập từ tổ chức bị chia phải thực hiện thủ tục đăng ký thuế với cơ quan thuế trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày ghi trên giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép tương đương theo quy định tại Luật Quản lý thuế và Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính theo nơi nộp hồ sơ như sau:

++++ Tổ chức kinh tế (trừ tổ hợp tác) quy định tại Điểm a, b Khoản 2 Điều 4 Thông tư số 86/2024/TT-BTC nộp hồ sơ đăng ký thuế tại Cục Thuế nơi đặt trụ sở.

++++ Tổ hợp tác, tổ chức khác theo quy định tại Điểm b,c, n Khoản 2 Điều 4 Thông tư số 86/2024/TT-BTC nộp hồ sơ đăng ký thuế tại Cục Thuế nơi tổ chức đóng trụ sở đối với tổ chức do cơ quan trung ương và cơ quan cấp tỉnh ra quyết định thành lập; tại Chi cục Thuế nơi tổ chức đóng trụ sở đối với tổ chức do cơ quan cấp huyện ra quyết định thành lập và nơi tổ hợp tác đóng trụ sở.

++ Đối với trường hợp tách tổ chức:

+++ Tổ chức bị tách: nếu có phát sinh thay đổi thông tin đăng ký thuế sau khi tách thì phải thực hiện thủ tục thay đổi thông tin đăng ký thuế với cơ quan thuế quản lý trực tiếp trong thời hạn là 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động, Quyết định thành lập hoặc Văn bản tương đương khác của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

+++ Tổ chức được tách: phải thực hiện thủ tục đăng ký thuế với cơ quan thuế trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày ghi trên giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép tương đương theo quy định tại Luật Quản lý thuế và Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính theo nơi nộp hồ sơ như sau:

++++ Tổ chức kinh tế (trừ tổ hợp tác) quy định tại Điểm a, b Khoản 2 Điều 4 Thông tư số 86/2024/TT-BTC nộp hồ sơ đăng ký thuế tại Cục Thuế nơi đặt trụ sở.

++++ Tổ hợp tác, tổ chức khác theo quy định tại Điểm b,c, n Khoản 2 Điều 4 Thông tư số 86/2024/TT-BTC nộp hồ sơ đăng ký thuế tại Cục Thuế nơi tổ chức đóng trụ sở đối với tổ chức do cơ quan trung ương và cơ quan cấp tỉnh ra quyết định thành lập; tại Chi cục Thuế nơi tổ chức đóng trụ sở đối với tổ chức do cơ quan cấp huyện ra quyết định thành lập và nơi tổ hợp tác đóng trụ sở.

++ Đối với trường hợp sáp nhập tổ chức:

+++ Tổ chức bị sáp nhập nộp hồ sơ đề nghị chấm dứt hiệu lực mã số thuế đến cơ quan thuế quản lý trực tiếp trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày có hợp đồng sáp nhập hoặc văn bản tương đương.

+++ Tổ chức nhận sáp nhập nếu có phát sinh thay đổi thông tin đăng ký thuế sau khi sáp nhập thì trong thời hạn 10 (mười) làm việc ngày kể từ ngày được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động, Quyết định thành lập hoặc Giấy tờ tương đương khác, tổ chức nhận sáp nhập phải thực hiện thủ tục thay đổi thông tin đăng ký thuế với cơ quan thuế quản lý trực tiếp.

++ Đối với trường hợp hợp nhất tổ chức:

+++ Các tổ chức bị hợp nhất nộp hồ sơ đề nghị chấm dứt hiệu lực mã số thuế đến cơ quan thuế quản lý trực tiếp trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày có Hợp đồng hợp nhất hoặc văn bản tương đương.

+++ Tổ chức hợp nhất phải thực hiện thủ tục đăng ký thuế với cơ quan thuế trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày ghi trên giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép tương đương theo quy định tại Luật Quản lý thuế và Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính theo nơi nộp hồ sơ như sau:

++++ Tổ chức kinh tế (trừ tổ hợp tác) quy định tại Điểm a, b Khoản 2 Điều 4 Thông tư số 86/2024/TT-BTC nộp hồ sơ đăng ký thuế tại Cục Thuế nơi đặt trụ sở.

++++ Tổ hợp tác, tổ chức khác theo quy định tại Điểm b,c, n Khoản 2 Điều 4 Thông tư số 86/2024/TT-BTC nộp hồ sơ đăng ký thuế tại Cục Thuế nơi tổ chức đóng trụ sở đối với tổ chức do cơ quan trung ương và cơ quan cấp tỉnh ra quyết định thành lập; tại Chi cục Thuế nơi tổ chức đóng trụ sở đối với tổ chức do cơ quan cấp huyện ra quyết định thành lập và nơi tổ hợp tác đóng trụ sở.

++ Đối với trường hợp hồ sơ đăng ký thuế điện tử: Người nộp thuế (NNT) truy cập vào Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn (Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền bao gồm Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công cấp Bộ, cấp tỉnh theo quy định về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và đã được kết nối với Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin của tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN) để khai tờ khai và gửi kèm các hồ sơ theo quy định dưới dạng điện tử (nếu có), ký điện tử và gửi đến cơ quan thuế qua Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn.

+ Bước 2: Cơ quan thuế tiếp nhận:

++ Đối với hồ sơ bằng giấy:

+++ Trường hợp hồ sơ được nộp trực tiếp tại cơ quan thuế: Công chức thuế kiểm tra hồ sơ đăng ký thuế. Trường hợp hồ sơ đầy đủ theo quy định, công chức thuế tiếp nhận và đóng dấu tiếp nhận vào hồ sơ đăng ký thuế, ghi rõ ngày nhận hồ sơ, số lượng tài liệu theo bảng kê danh mục hồ sơ; lập phiếu tiếp nhận và hẹn trả kết quả, thời hạn xử lý hồ sơ đã tiếp nhận. Trường hợp hồ sơ không đầy đủ theo quy định, công chức thuế không tiếp nhận và hướng dẫn người nộp thuế hoàn thiện hồ sơ.

+++ Trường hợp hồ sơ gửi bằng đường bưu chính: Công chức thuế đóng dấu tiếp nhận, ghi ngày nhận hồ sơ vào hồ sơ và ghi số văn thư của cơ quan thuế. Trường hợp hồ sơ không đầy đủ cần phải giải trình, bổ sung thông tin, tài liệu, cơ quan thuế thông báo cho người nộp thuế theo mẫu số 01/TB-BSTT-NNT tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ.

++ Đối với hồ sơ điện tử:

Cơ quan thuế thực hiện tiếp nhận hồ sơ qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế, thực hiện kiểm tra, giải quyết hồ sơ thông qua hệ thống xử lý dữ liệu điện tử của cơ quan thuế.

+++ Tiếp nhận hồ sơ: Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế gửi thông báo tiếp nhận hồ sơ cho NNT qua Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ (Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN) chậm nhất 15 phút kể từ khi nhận được hồ sơ đăng ký thuế điện tử của người nộp thuế.

+++ Kiểm tra, giải quyết hồ sơ: Cơ quan thuế thực hiện kiểm tra, giải quyết hồ sơ của người nộp thuế theo quy định của pháp luật về đăng ký thuế và trả kết quả giải quyết qua Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ.

++++ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, đúng thủ tục theo quy định: Cơ quan thuế gửi kết quả giải quyết hồ sơ đến Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ theo thời hạn quy định tại Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính.

++++ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa đúng thủ tục theo quy định: Cơ quan thuế gửi thông báo về việc không chấp nhận hồ sơ, gửi đến Cổng thông tin điện tử mà người nộp thuế lựa chọn lập và gửi hồ sơ trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày ghi trên Thông báo tiếp nhận hồ sơ.

**- Cách thức thực hiện:**

+ Nộp trực tiếp tại trụ sở Cơ quan thuế;

+ Hoặc gửi qua hệ thống bưu chính;

+ Hoặc bằng phương thức điện tử qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền bao gồm Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công cấp Bộ, cấp tỉnh theo quy định về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và đã được kết nối với Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế/Cổng thông tin của tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN theo quy định tại Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 và Thông tư số 46/2024/TT-BTC ngày 09/07/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế.

**- Thành phần, số lượng hồ sơ:**

+ *Thành phần hồ sơ, gồm:*

++ Đối với tổ chức mới được chia, tổ chức được tách, tổ chức hợp nhất là hồ sơ đăng ký thuế lần đầu gồm:

+++ Tổ chức kinh tế (trừ tổ hợp tác) quy định tại Điểm a, b Khoản 2 Điều 4 Thông tư số 86/2024/TT-BTC:

++++ Tờ khai đăng ký thuế mẫu số 01-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính;

++++ Bảng kê các công ty con, công ty thành viên mẫu số BK01-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính (nếu có);

++++ Bảng kê các đơn vị phụ thuộc mẫu số BK02-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính (nếu có);

++++ Bảng kê địa điểm kinh doanh mẫu số BK03-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính (nếu có);

++++ Bảng kê các nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài mẫu số BK04-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính (nếu có);

++++ Bảng kê các nhà thầu, nhà đầu tư dầu khí mẫu số BK05-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính (nếu có);

++++ Bảng kê góp vốn của tổ chức, cá nhân mẫu số BK06-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính (nếu có);

++++ Bản sao không yêu cầu chứng thực Quyết định chia/Hợp đồng hợp nhất/Hợp đồng sáp nhập hoặc văn bản tương đương.

+++ Tổ chức khác và tổ hợp tác theo quy định tại Điểm b, c, n Khoản 2 Điều 4 Thông tư số 86/2024/TT-BTC:

++++ Tờ khai đăng ký thuế mẫu số 01-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính;

++++ Bảng kê các công ty con, công ty thành viên mẫu số BK01-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính (nếu có);

++++ Bảng kê các đơn vị phụ thuộc mẫu số BK02-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính (nếu có);

++++ Bảng kê địa điểm kinh doanh mẫu số BK03-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính (nếu có);

++++ Bảng kê các nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài mẫu số BK04-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính (nếu có);

++++ Bản sao không yêu cầu chứng thực Quyết định chia/Hợp đồng hợp nhất/Hợp đồng sáp nhập hoặc văn bản tương đương.

++ Đối với tổ chức bị chia, tổ chức bị sáp nhập, tổ chức bị hợp nhất là hồ sơ chấm dứt hiệu lực mã số thuế gồm:

+++ Văn bản đề nghị chấm dứt hiệu lực mã số thuế mẫu số 24/ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính;

+++ Bản sao không yêu cầu chứng thực Quyết định chia/Hợp đồng hợp nhất/Hợp đồng sáp nhập hoặc văn bản tương đương;

++ Đối với tổ chức bị tách, tổ chức nhận sáp nhập nếu có thay đổi thông tin đăng ký thuế thì hồ sơ thay đổi thông tin đăng ký thuế, gồm:

+++Tờ khai điều chỉnh, bổ sung thông tin đăng ký thuế mẫu số 08-MST ban hành theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính;

+++ Bản sao Quyết định tách tổ chức hoặc Bản sao hợp đồng sáp nhập hoặc văn bản tương đương;

+++ Bản sao Giấy phép thành lập và hoạt động, Quyết định thành lập hoặc Giấy tờ tương đương khác.

+ *Số lượng hồ sơ:* 01 (bộ)

**- Thời hạn giải quyết:**

+ Đối với tổ chức mới thành lập sau chia, tách, hợp nhất: 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày cơ quan thuế nhận được hồ sơ đăng ký thuế đầy đủ theo quy định.

+ Đối với tổ chức bị chấm dứt hiệu lực mã số thuế do bị chia, bị sáp nhập, bị hợp nhất:

++ Cơ quan thuế quản lý trực tiếp thực hiện:

+++ Trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày cơ quan thuế nhận đủ hồ sơ chấm dứt hiệu lực mã số thuế của người nộp thuế, cơ quan thuế phải thực hiện Thông báo người nộp thuế ngừng hoạt động và đang làm thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế theo mẫu số 17/TB-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính gửi cho người nộp thuế. Đồng thời chuyển trạng thái của người nộp thuế và các đơn vị phụ thuộc của người nộp thuế về trạng thái "NNT ngừng hoạt động nhưng chưa hoàn thành thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế" trên hệ thống ứng dụng đăng ký thuế.

+++ Ban hành Thông báo gửi cho đơn vị chủ quản, đơn vị phụ thuộc theo mẫu số 35/TB-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính trong trường hợp cơ quan thuế nhận được hồ sơ chấm dứt hiệu lực mã số thuế của đơn vị chủ quản nhưng các đơn vị phụ thuộc chưa thực hiện thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế.

+++ Trường hợp đơn vị phụ thuộc chấm dứt hiệu lực mã số thuế nhưng không có khả năng hoàn thành nghĩa vụ còn phải nộp hoặc còn nợ sau khi đã thực hiện bù trừ hoặc hoàn trả kiêm bù trừ theo quy định của Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành thì đơn vị chủ quản đã có văn bản cam kết chịu trách nhiệm kế thừa toàn bộ khoản nghĩa vụ thuế của đơn vị phụ thuộc thì cơ quan thuế quản lý trực tiếp đơn vị phụ thuộc thực hiện chuyển nghĩa vụ của đơn vị phụ thuộc cho đơn vị chủ quản và ban hành Thông báo về việc chuyển nghĩa vụ thuế của người nộp thuế mẫu số 39/TB-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính gửi cho người nộp thuế là đơn vị chủ quản, đơn vị phụ thuộc.

+++ Trường hợp đơn vị bị chia, bị sáp nhập, bị hợp nhất chấm dứt hiệu lực mã số thuế nhưng không có khả năng hoàn thành nghĩa vụ còn phải nộp hoặc còn nợ sau khi đã thực hiện bù trừ hoặc hoàn trả kiêm bù trừ theo quy định của Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành thi cơ quan thuế quản lý trực tiếp đơn vị bị chia, bị sáp nhập, bị hợp nhất thực hiện chuyển nghĩa vụ cho đơn vị mới và ban hành Thông báo về việc chuyển nghĩa vụ thuế của người nộp thuế mẫu số 39/TB-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính gửi người nộp thuế là đơn vị bị chia, bị sáp nhập, bị hợp nhất và đơn vị mới.

+++ Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày người nộp thuế đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế với cơ quan thuế và cơ quan hải quan hoặc cơ quan thuế hoàn thành việc chuyển toàn bộ nghĩa vụ nợ thuế và các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước của đơn vị phụ thuộc sang đơn vị chủ quản, của đơn vị bị chia, bị sáp nhập, bị hợp nhất sang đơn vị mới theo quy định, cơ quan thuế ban hành Thông báo chấm dứt hiệu lực mã số thuế theo mẫu số 18/TB-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính gửi cho người nộp thuế.

++ Cơ quan thuế quản lý khoản thu thực hiện:

+++ Cập nhật thông tin người nộp thuế đã hoàn thành nghĩa vụ thuế đối với khoản thu thuộc cơ quan thuế quản lý vào Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế ngay trong ngày làm việc hoặc chậm nhất vào đầu giờ ngày làm việc tiếp theo ngày người nộp thuế hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế tại cơ quan thuế quản lý khoản thu.

+ Đối với tổ chức bị tách, tổ chức nhận sáp nhập thay đổi thông tin ĐKT:

++ Trong 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ thay đổi thông tin đăng ký thuế (đối với trường hợp không phải cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký thuế).

++ Trong 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ thay đổi thông tin đăng ký thuế (đối với trường hợp phải cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký thuế).

**- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức kinh tế, tổ chức khác

**- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Cục Thuế/Chi cục Thuế.

**- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

+ Đối với tổ chức mới thành lập sau chia, tách, hợp nhất: Giấy chứng nhận đăng ký thuế (lần đầu).

+ Đối với tổ chức bị chấm dứt hiệu lực mã số thuế do bị chia, bị sáp nhập, bị hợp nhất: Thông báo người nộp thuế ngừng hoạt động và đang làm thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế theo mẫu số 17/TB-ĐKT và Thông báo chấm dứt hiệu lực mã số thuế mẫu số 18/TB-ĐKT; Thông báo gửi cho đơn vị chủ quản, đơn vị phụ thuộc theo mẫu số 35/TB-ĐKT; Thông báo về việc chuyển nghĩa vụ thuế của người nộp thuế mẫu số 39/TB-ĐKT ban hành kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính.

+ Đối với tổ chức bị tách, tổ chức nhận sáp nhập thay đổi thông tin ĐKT: Giấy chứng nhận đăng ký thuế (đối với trường hợp thay đổi thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế).

**- Phí, lệ phí:** Không.

**- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

+ Tờ khai đăng ký thuế mẫu số 01-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024của Bộ Tài chính;

++ Bảng kê các công ty con, công ty thành viên mẫu số BK01-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024của Bộ Tài chính (nếu có);

++ Bảng kê các đơn vị phụ thuộc mẫu số BK02-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024của Bộ Tài chính (nếu có);

++ Bảng kê địa điểm kinh doanh mẫu số BK03-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024của Bộ Tài chính (nếu có);

++ Bảng kê các nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài mẫu số BK04-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024của Bộ Tài chính (nếu có);

++ Bảng kê các nhà thầu, nhà đầu tư dầu khí mẫu số BK05-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024của Bộ Tài chính (nếu có);

++ Bảng kê góp vốn của tổ chức, cá nhân mẫu số BK06-ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024của Bộ Tài chính (nếu có).

+ Văn bản đề nghị chấm dứt hiệu lực mã số thuế mẫu số 24/ĐK-TCT ban hành kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính

+ Tờ khai điều chỉnh, bổ sung thông tin đăng ký thuế mẫu số 08-MST ban hành theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính.

**- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Trường hợp người nộp thuế lựa chọn và gửi hồ sơ đến cơ quan thuế thông qua giao dịch điện tử thì phải tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về giao dịch điện tử đồng thời đăng ký và đảm bảo đầy đủ các điều kiện thực hiện giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế theo quy định tại Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 và Thông tư số 46/2024/TT-BTC ngày 09/07/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế.

**- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Luật Quản lý thuế ngày 13/06/2019; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật chứng khoán, luật kế toán, luật kiểm toán độc lập, luật ngân sách nhà nước, luật quản lý, sử dụng, tài sản công, luật quản lý thuế, luật thuế thu nhập cá nhân, luật dữ trữ quốc, luật xử lý vi phạm hành chính ngày 29/11/2024;

+ Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn Giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế; Thông tư số 46/2024/TT-BTC ngày 09/07/2024 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2021/TT-BTC ngày 18/3/2021 hướng dẫn giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế.

+ Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ Tài chính quy định về đăng ký thuế.

**- Mẫu đơn, mẫu tờ khai đính kèm:**

Mẫu số: **01-ĐK-TCT**

*(Kèm theo Thông tư số   
86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** | | | | |
|  | **TỜ KHAI ĐĂNG KÝ THUẾ** *(Dùng cho tổ chức)* | | | | |
|  | Tổ chức kinh tế | Tổ chức khác | Tổ chức được hoàn thuế | Hợp đồng dầu khí | Tổ chức nước ngoài KD tại chợ biên giới, cửa khẩu |
|  |  |  |  |  |  |
| **1. Tên người nộp thuế:** | | | | | |
| **2. Thông tin đại lý thuế (nếu có):** | | | | | |
| 2a. Tên: | | | | | |
| |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | |  |  |  |   2b. Mã số thuế: | | | | | |
| 2c. Hợp đồng đại lý thuế: Số: ngày: | | | | | |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **3. Địa chỉ trụ sở chính** |  | **4. Địa chỉ nhận thông báo thuế** *(chỉ kê khai nếu địa chỉ nhận thông báo thuế khác địa chỉ trụ sở chính)* |
| 3a. Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường/phố, tổ/xóm/ấp/thôn: |  | 4a. Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường/phố, tổ/xóm/ấp/thôn hoặc hòm thư bưu điện: |
| 3b. Phường/Xã/Thị trấn: |  | 4b. Phường/Xã/Thị trấn: |
| 3c. Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh/Thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương: |  | 4c. Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh/Thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương: |
| 3d. Tỉnh/Thành phố trực thuộc trung ương: |  | 4d. Tỉnh/Thành phố trực thuộc trung ương: |
| 3đ. Điện thoại: 3e. Fax (nếu có): |  | 4đ. Điện thoại: 4e. Fax (nếu có): |
| 3g. Email: 3h. Website (nếu có): |  | 4g. E-mail: |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **5. Quyết định thành lập** |  | **6. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy tờ tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp** |
| 5a. Số quyết định: |  | 6a. Số: |
| 5b. Ngày ký quyết định: …/…/…… |  | 6b. Ngày cấp: …/…/…… |
| 5c. Cơ quan ban hành quyết định: |  | 6c. Cơ quan cấp: |

|  |
| --- |
| **7. Ngành nghề kinh doanh chính:** |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **8. Vốn điều lệ (=8.1+8.2+8.3+8.4):** | |  | **9. Ngày bắt đầu hoạt động:** …/……/…… |
| 8.1. Vốn nhà nước: | Tỷ trọng: % |  |
| 8.2. Vốn nước ngoài: | Tỷ trọng: % |  |
| 8.3. Vốn tư nhân: | Tỷ trọng: % |  |
| 8.4. Vốn khác (nếu có): | Tỷ trọng: % |  |
|  | | | |
| **10. Loại hình kinh tế**   |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | |  | Công ty cổ phần |  | Doanh nghiệp tư nhân |  | VPĐD của tổ chức nước ngoài tại Việt Nam | Tổ hợp tác | | |  | Công ty TNHH 1 thành viên |  | Công ty hợp danh |  | Tổ chức kinh tế của lực lượng vũ trang |  | Hợp tác xã | |  | Công ty TNHH 2 thành viên trở lên |  | Hợp đồng hợp tác, kinh doanh với nước ngoài |  | Tổ chức kinh tế của tổ chức chính trị, CT-XH, xã hội, XH-NN |  | Cơ quan hành chính | |  | Đơn vị sự nghiệp ngoài công lập | | | Đơn vị sự nghiệp công lập | |  | Loại hình khác | | | | |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **11. Hình thức hạch toán kế toán về kết quả kinh doanh**  Độc lập Phụ thuộc |  | **12. Năm tài chính** | Từ ngày …/…  đến ngày …/… |
|  |
| Có báo cáo tài chính hợp nhất |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **13. Thông tin về đơn vị cấp trên trực tiếp của người nộp thuế (nếu có)** | **14. Thông tin người đại diện theo pháp luật/chủ DNTN/người đứng đầu tổ chức** |
| 13a. Mã số thuế:   |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |   13b. Tên đơn vị đơn vị cấp trên:……………… | 14a. Họ và tên:…………………………………………...  14b. Chức vụ: ………..….. 14c. Sinh ngày: …/…/……  14d. Số định danh cá nhân (đối với người Việt Nam):….  14đ. Loại giấy tờ chứng thực cá nhân (đối với người nước ngoài):   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | Hộ chiếu |  | | Giấy thông hành | | | CMT biên giới | | Khác | |  |   Số giấy tờ:..........................................................................  Ngày cấp:...../......./............ Nơi cấp:..................................  14e. Địa chỉ nơi thường trú:   |  |  | | --- | --- | |  | Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường/phố, tổ/xóm/ấp/thôn:……………………………………..  Phường/Xã/Thị trấn: ………………………………..  Quận/Huyện/Thành phố thuộc tỉnh/Thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương:……………………  Tỉnh/Thành phố trực thuộc trung ương:……………..  Quốc gia:………………………………………… |   14g. Địa chỉ hiện tại (nếu có):   |  |  | | --- | --- | |  | Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường/phố, tổ/xóm/ấp/thôn:………………………………………  Phường/Xã/Thị trấn: ………………………………...  Quận/Huyện/Thành phố thuộc tỉnh/Thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương:……………………  Tỉnh/Thành phố trực thuộc trung ương:…………….  Quốc gia:……………………………………………. |   14h. Thông tin khác:  Điện thoại:...........................Email:……………………… |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **15. Phương pháp tính thuế GTGT** |  | Khấu trừ |  | Trực tiếp trên GTGT |  | Trực tiếp trên doanh số |  | Không phải  nộp thuế GTGT | |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **16. Thông tin về các đơn vị liên quan**   |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | |  | Có công ty con, công ty thành viên |  | Có đơn vị phụ thuộc |  | Có nhà thầu, nhà đầu tư dầu khí | |  | Có địa điểm kinh doanh, kho hàng phụ thuộc |  | Có hợp đồng với nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài |  |  | |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **17. Thông tin khác** | | |
| ***17.1. Giám đốc/Tổng giám đốc (nếu có):*** |  | ***17.2. Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán (nếu có):*** |
| a. Họ và tên: |  | a. Họ và tên: |
| b. Mã số thuế cá nhân/Số định danh cá nhân: |  | b. Mã số thuế cá nhân/Số định danh cá nhân: |
| c. Ngày tháng năm sinh: |  | c. Ngày tháng năm sinh: |
| d. Điện thoại liên lạc: |  | d. Điện thoại liên lạc: |
| đ. Email: |  | đ. Email: |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **18. Tình trạng trước khi tổ chức lại (nếu có):**   |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | |  | Chia |  | Tách |  | Hợp nhất |  | Chuyển đơn vị phụ thuộc thành độc lập |   Mã số thuế trước của tổ chức đó:   |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | |

Tôi xin cam đoan những nội dung trong bản kê khai này là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung đã kê khai./.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ**  Họ và tên:………………  Chứng chỉ hành nghề số…………. | *…………, ngày… /… /……* **NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ** *Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có)* | |
| **HƯỚNG DẪN KÊ KHAI MẪU SỐ 01-ĐK-TCT**  Người nộp thuế phải tích chọn vào một trong các ô thích hợp trước khi kê khai vào phần thông tin chi tiết, cụ thể như sau:  - “Tổ chức kinh tế”: Người nộp thuế đăng ký thuế theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 7 tích chọn vào chỉ tiêu này .  - “Tổ chức khác”: Người nộp thuế đăng ký thuế theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 7 tích chọn vào chỉ tiêu này.  - “Tổ chức được hoàn thuế”: Người nộp thuế đăng ký thuế theo quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều 7 tích chọn vào chỉ tiêu này. Người nộp thuế chỉ khai các chỉ tiêu: 1, 3, 4, 5, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 17.  - “Hợp đồng dầu khí”: Người nộp thuế đăng ký thuế theo quy định tại Khoản 7 Điều 7 Thông tư này.  - “Tổ chức nước ngoài kinh doanh tại chợ biên giới, cửa khẩu”: Người nộp thuế là tổ chức của nước có chung biên giới đất liền với Việt Nam thực hiện hoạt động mua bán, trao đổi hàng hóa tại chợ biên giới, chợ cửa khẩu, chợ trong khu kinh tế cửa khẩu của Việt Nam đăng ký thuế theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 7 Thông tư này. Khi tích chọn, người đại diện theo pháp luật kê khai các loại giấy tờ theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 14/2018/NĐ-CP ngày 23/01/2018 của Chính phủ tại chỉ tiêu 14đ và loại hình kinh tế tương ứng tại chỉ tiêu 10.  Thông tin chi tiết gồm:  **1. Tên người nộp thuế:** Ghi rõ ràng, đầy đủ bằng chữ in hoa tên tổ chức theo Quyết định thành lập hoặc Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy tờ tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp (đối với tổ chức Việt Nam) hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (đối với tổ chức của nước có chung biên giới đất liền với Việt Nam thực hiện hoạt động mua bán, trao đổi hàng hóa tại chợ biên giới, chợ cửa khẩu, chợ trong khu kinh tế cửa khẩu của Việt Nam).  **2. Thông tin đại lý thuế:** Ghi đầy đủ các thông tin của đại lý thuế trong trường hợp Đại lý thuế ký hợp đồng với người nộp thuế để thực hiện thủ tục đăng ký thuế thay cho người nộp thuế theo quy định tại Luật Quản lý thuế.  **3. Địa chỉ trụ sở chính:** Ghi rõ số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường/phố, tổ/xóm/ấp/thôn, phường/xã/thị trấn, quận/huyện/thị xã/thành phố thuộc tỉnh, tỉnh/thành phố của người nộp thuế. Số điện thoại, số Fax (nếu có) ghi rõ mã vùng - số điện thoại/số Fax theo thông tin địa chỉ sau:  - Địa chỉ trụ sở chính của người nộp thuế là tổ chức.  - Địa chỉ nơi kinh doanh trong chợ biên giới, chợ cửa khẩu, chợ khu kinh tế cửa khẩu đối với người nộp thuế là tổ chức của các nước có chung đường biên giới đất liền với Việt Nam.  - Địa chỉ nơi diễn ra hoạt động thăm dò, khai thác dầu khí đối với hợp đồng dầu khí.  - Người nộp thuế phải kê khai đầy đủ, chính xác thông tin email. Địa chỉ email này dùng làm tài khoản giao dịch điện tử với cơ quan thuế đối với hồ sơ đăng ký thuế điện tử.  **4. Địa chỉ nhận thông báo thuế:** Nếu người nộp thuế là tổ chức có địa chỉ nhận các thông báo của cơ quan thuế khác với địa chỉ của trụ sở chính tại chỉ tiêu 3 nêu trên thì ghi rõ địa chỉ nhận thông báo thuế để cơ quan thuế liên hệ.  **5. Quyết định thành lập:**  - Đối với người nộp thuế là tổ chức có quyết định thành lập: Ghi rõ số quyết định, ngày ban hành quyết định và cơ quan ban hành quyết định.  - Đối với Hợp đồng dầu khí: Ghi rõ số hợp đồng, ngày ký hợp đồng, để trống phần cơ quan ra quyết định.  **6. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấp tờ tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp:** Ghi rõ số, ngày cấp và cơ quan cấp Giấy chứng nhận ĐKKD của nước có chung biên giới với Việt Nam cấp (đối với người nộp thuế là tổ chức của nước có chung biên giới đất liền với Việt Nam thực hiện hoạt động mua bán, trao đổi hàng hóa tại chợ biên giới, chợ cửa khẩu, chợ trong khu kinh tế cửa khẩu của Việt Nam), Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp (đối với người nộp thuế là tổ chức của Việt Nam).  Riêng thông tin "cơ quan cấp" Giấy chứng nhận ĐKKD: ghi tên nước có chung đường biên giới đất liền với Việt Nam đã cấp Giấy chứng nhận ĐKKD (Lào, Campuchia, Trung Quốc).  **7. Ngành nghề kinh doanh chính:** Ghi theo ngành nghề kinh doanh trên Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp (đối với người nộp thuế là tổ chức của Việt Nam) và Giấy chứng nhận ĐKKD (đối với người nộp thuế là tổ chức của nước có chung biên giới đất liền với Việt Nam thực hiện hoạt động mua bán, trao đổi hàng hóa tại chợ biên giới, chợ cửa khẩu, chợ trong khu kinh tế cửa khẩu của Việt Nam).  Lưu ý: Chỉ ghi 1 ngành nghề chính thực tế kinh doanh.  **8. Vốn điều lệ:**  - Đối với người nộp thuế thuộc loại hình Công ty TNHH, Công ty cổ phần, Công ty hợp danh: Ghi theo vốn điều lệ trên Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp hoặc nguồn vốn trên Quyết định thành lập (ghi rõ loại tiền, phân loại nguồn vốn theo chủ sở hữu, tỷ trọng của từng loại nguồn vốn trong tổng số vốn).  - Đối với người nộp thuế thuộc loại hình doanh nghiệp tư nhân: Ghi theo vốn đầu tư trên Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp (ghi rõ loại tiền).  - Đối với người nộp thuế là tổ chức của các nước có chung đường biên giới đất liền với Việt Nam và tổ chức khác: Nếu trên Quyết định thành lập, Giấy chứng nhận ĐKKD,... có vốn thì ghi, nếu không có vốn thì để trống thông tin này.  **9. Ngày bắt đầu hoạt động:** Kê khai ngày người nộp thuế bắt đầu hoạt động thực tế nếu khác với ngày cấp mã số thuế.  **10. Loại hình kinh tế:** Đánh dấu X vào 1 trong những ô tương ứng.  **11. Hình thức hạch toán kế toán về kết quả kinh doanh:** Đánh dấu X vào một trong hai ô “Độc lập” hoặc “Phụ thuộc”. Trường hợp tích chọn ô “Độc lập” thì tích chọn vào “Có BCTC hợp nhất” nếu thuộc đối tượng phải lập và gửi báo cáo tài chính hợp nhất cho cơ quan thuế theo quy định.  **12. Năm tài chính:** Ghi rõ từ ngày, tháng đầu niên độ kế toán đến ngày, tháng cuối niên độ kế toán theo năm dương lịch hoặc năm tài chính của người nộp thuế.  **13. Thông tin về đơn vị cấp trên trực tiếp của người nộp thuế (nếu có):** Ghi rõ tên, mã số thuế của đơn vị cấp trên trực tiếp quản lý người nộp thuế là tổ chức; trường hợp người nộp thuế là công ty con thuộc Tập đoàn, Tổng công ty thì ghi tên, mã số thuế của Tập đoàn, Tổng công ty.  **14. Thông tin người đại diện theo pháp luật/chủ DNTN/người đứng đầu tổ chức:** Kê khai thông tin chi tiết của người đại diện theo pháp luật/người đứng đầu của người nộp thuế là tổ chức (đối với tổ chức kinh tế và tổ chức khác trừ doanh nghiệp tư nhân) hoặc thông tin của chủ doanh nghiệp tư nhân. Trường hợp người đại diện theo pháp luật/chủ DNTN/người đứng đầu tổ chức là người Việt Nam thì khai số định danh cá nhân tại chỉ tiêu 14d và không phải kê khai chỉ tiêu 14đ, 14e. Cơ quan thuế tự động tích hợp thông tin “địa chỉ thường trú”, “địa chỉ hiện tại” của cá nhân từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để đưa vào chỉ tiêu 14đ, 14e.  **15. Phương pháp tính thuế GTGT:** Đánh dấu X vào ô tương ứng của chỉ tiêu này.  **16. Thông tin về các đơn vị có liên quan:**  - Nếu người nộp thuế có công ty con, công ty thành viên thì đánh dấu X vào ô “Có công ty con, công ty thành viên”, sau đó phải kê khai vào phần “Bảng kê các công ty con, công ty thành viên” mẫu số BK01-ĐK-TCT.  - Nếu người nộp thuế có đơn vị phụ thuộc thì đánh dấu X vào ô “Có đơn vị phụ thuộc”, sau đó phải kê khai vào “Bảng kê các đơn vị phụ thuộc” mẫu số BK02-ĐK-TCT.  - Nếu người nộp thuế có địa điểm kinh doanh, kho hàng phụ thuộc không có chức năng kinh doanh thì đánh dấu X vào ô “Có địa điểm kinh doanh, kho hàng phụ thuộc”, sau đó phải kê khai vào phần “Bảng kê các địa điểm kinh doanh” mẫu số BK03-ĐK-TCT.  - Nếu người nộp thuế có hợp đồng với nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài thì đánh dấu X vào ô “Có hợp đồng với nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài”, sau đó phải kê khai vào phần “Bảng kê các nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài” mẫu số BK04-ĐK-TCT.  - Nếu người nộp thuế có nhà thầu, nhà đầu tư dầu khí thì đánh dấu X vào ô “Có nhà thầu, nhà đầu tư dầu khí”, sau đó phải kê khai vào phần “Bảng kê các nhà thầu, nhà đầu tư dầu khí” mẫu số BK05-ĐK-TCT (đối với hợp đồng dầu khí).  **17. Thông tin khác:** Ghi rõ họ và tên, số định danh cá nhân (đối với người Việt Nam) hoặc mã số thuế cá nhân (đối với người nước ngoài), số điện thoại liên lạc, email của Tổng giám đốc hoặc Giám đốc, Kế toán trưởng hoặc phụ trách kế toán của người nộp thuế theo quy định của pháp luật.  **18. Tình trạng trước khi tổ chức lại tổ chức (nếu có):** Nếu người nộp thuế là tổ chức đăng ký thuế do chia/tách/hợp nhất tổ chức, hoặc chuyển từ đơn vị phụ thuộc thành đơn vị độc lập thì đánh dấu X vào một trong các ô tương ứng của chỉ tiêu này và phải ghi rõ mã số thuế đã cấp trước đó của các tổ chức bị chia, bị tách, bị hợp nhất, đơn vị phụ thuộc bị chuyển đổi.  **19.** **Phần người nộp thuế hoặc người đại diện hợp pháp của người nộp thuế ký, ghi rõ họ tên**: Người nộp thuế hoặc người đại diện theo pháp luật của người nộp thuế phải ký, ghi rõ họ tên vào phần này.  **20. Đóng dấu của người nộp thuế:**  Trường hợp người nộp thuế có con dấu tại thời điểm đăng ký thuế thì phải đóng dấu vào phần này (trừ trường hợp nộp hồ sơ theo phương thức điện tử). Trường hợp người nộp thuế không có con dấu tại thời điểm đăng ký thuế thì chưa phải đóng dấu trên tờ khai đăng ký thuế. Khi người nộp thuế đến nhận kết quả phải bổ sung việc đóng dấu cho cơ quan thuế.  Trường hợp người nộp thuế thuộc đối tượng đăng ký thuế quy định tại điểm d khoản 2 Điều 4 Thông tư này không có con dấu thì không phải đóng dấu vào phần này.  **21. Nhân viên đại lý thuế:** Trường hợp đại lý thuế kê khai thay cho người nộp thuế thì kê khai vào thông tin này. | | |

Mẫu số: **BK01-ĐK-TCT**

*(Kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)*

**BẢNG KÊ**

**Các công ty con, công ty thành viên**

*(Kèm theo tờ khai mẫu số <01-ĐK-TCT> hoặc <08-MST>)*

Tên người nộp thuế: ........................................................................................

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Mã số thuế (nếu có): |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Mã số thuế (nếu có)** | **Tên công ty con, công ty thành viên** | **Địa chỉ của công ty con, công ty thành viên** | **Vốn của công ty mẹ góp vào công ty con, công ty thành viên** | **Loại tiền (VNĐ/USD)** | **Tỷ lệ vốn của công ty mẹ góp vào công ty con, công ty thành viên (%)** |
| **I** | **Công ty con** |  |  |  |  |  |
| 1 |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |
| ... |  |  |  |  |  |  |
| **II** | **Công ty thành viên** |  |  |  |  |  |
| 1 |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |
| ... |  |  |  |  |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ**  Họ và tên:…….  Chứng chỉ hành nghề số:....... | *…, ngày… /… /……*  **NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc**  **ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**  *Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có)* |

Mẫu số: **BK02-ĐK-TCT**

*(Kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)*

**BẢNG KÊ**

**Các đơn vị phụ thuộc (chi nhánh, văn phòng đại diện)**

*(Kèm theo tờ khai mẫu số <01-ĐK-TCT> hoặc <08-MST>)*

Tên người nộp thuế:........................................................................................

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Mã số thuế (nếu có): |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên đơn vị phụ thuộc** | **Địa chỉ của đơn vị phụ thuộc** | **Số Quyết định thành lập** | **Ngày ban hành Quyết định thành lập** |
| 1 |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |
| ... |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ**  Họ và tên:…….  Chứng chỉ hành nghề số:....... | *…, ngày… /… /……*  **NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc**  **ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**  *Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có)* | |
|  | | |  |

Mẫu số: **BK03-ĐK-TCT**

*(Kèm theo Thông tư số   
86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)*

**BẢNG KÊ  
Các địa điểm kinh doanh, kho hàng**

*(Kèm theo tờ khai mẫu số <01-ĐK-TCT> hoặc <02-ĐK-TCT> hoặc <08-MST>)*

Tên người nộp thuế: ........................................................................................

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Mã số thuế (nếu có): |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

| **STT** | | **Tên địa điểm kinh doanh, kho hàng** | **Số Quyết định thành lập** | | **Ngày ban hành Quyết định thành lập** | | | **Số nhà, đường phố (thôn/ xóm)** | **Phường/xã** | **Quận/ huyện** | **Tỉnh/ thành phố** | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | |  |  | |  | | |  |  |  |  | |
| 2 | |  |  | |  | | |  |  |  |  | |
| .... | |  |  | |  | | |  |  |  |  | |
| .... | |  |  | |  | | |  |  |  |  | |
| .... | |  |  | |  | | |  |  |  |  | |
| .... | |  |  | |  | | |  |  |  |  | |
| **NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ**  Họ và tên:…….  Chứng chỉ hành nghề số:....... | | |  | |  | *…, ngày… /… /……*  **NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc**  **ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**  *Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có)* | | | | |
|  | | |  | |  |  | | | | |
|  | | |  | |  |  | | | | |

Mẫu số: **BK04-ĐK-TCT**

*(Kèm theo Thông tư số   
86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)*

**BẢNG KÊ**

**Các nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài**

*(Kèm theo tờ khai mẫu số <01-ĐK-TCT> hoặc <02-ĐK-TCT> hoặc <08-MST>)*

Tên người nộp thuế: ........................................................................................

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Mã số thuế (nếu có): |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên Nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài** | **Quốc tịch** | **Mã số thuế của nhà thầu nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài tại Việt Nam (nếu có)** | **Số hợp đồng** | **Ngày hợp đồng** | **Giá trị**  **hợp đồng** | **Địa điểm**  **thực hiện hợp đồng** | | **Thời gian thực hiện hợp đồng** |
| **Quận/ huyện** | **Tỉnh/**  **thành phố** |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ... |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ... |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ... |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ**  Họ và tên:…….  Chứng chỉ hành nghề số:....... | *…, ngày… /… /……*  **NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc**  **ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**  *Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có)* |

Mẫu số: **BK05-ĐK-TCT**

*(Kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)*

**BẢNG KÊ**

**Các nhà thầu, nhà đầu tư dầu khí**

*(Kèm theo tờ khai mẫu số <01-ĐK-TCT> hoặc <02-ĐK-TCT> hoặc <08-MST>)*

Tên người nộp thuế:........................................................................................

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Mã số thuế (nếu có): |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên Nhà thầu, nhà đầu tư dầu khí** | **Quốc tịch** | **Mã số thuế của nhà thầu, nhà đầu tư dầu khí tại Việt Nam (nếu có)** | **Số hợp đồng** | **Ngày hợp đồng** | **Giá trị**  **hợp đồng** | **Địa điểm**  **thực hiện hợp đồng** | | **Thời gian thực hiện hợp đồng** |
| **Quận/huyện** | **Tỉnh/**  **thành phố** |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ... |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ**  Họ và tên:…….  Chứng chỉ hành nghề số:....... | *…, ngày… /… /……*  **NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc**  **ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**  *Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có)* |

Mẫu số: **BK06-ĐK-TCT**

*(Kèm theo Thông tư số   
86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)*

**BẢNG KÊ**

**Góp vốn của tổ chức, cá nhân**

*(Kèm theo tờ khai mẫu số <01-ĐK-TCT> hoặc <08-MST>)*

Tên người nộp thuế:........................................................................................

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Mã số thuế (nếu có): |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên tổ chức, cá nhân góp vốn vào người nộp thuế** | **Quốc tịch đối với cá nhân góp vốn** | **Địa chỉ trụ sở của tổ chức góp vốn** | **Số tiền (VNĐ)** | **Mã số thuế (nếu có)** | **Số giấy phép thành lập và hoạt động hoặc quyết định thành lập của tổ chức góp vốn** | **Số CMND/CCCD của cá nhân góp vốn** |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |
| ... |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Tổng cộng** | | | | x |  |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ**  Họ và tên:…….  Chứng chỉ hành nghề số:....... | *…, ngày… /… /……*  **NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc**  **ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**  *Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có)* |

Mẫu số: **24/ĐK-TCT**

*(Kèm theo Thông tư số   
86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)*

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN NGƯỜI NỘP THUẾ** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
|  | **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: ...................... |  |
|  | *....., ngày ...... tháng ........ năm .......* |

**VĂN BẢN**

**Đề nghị chấm dứt hiệu lực mã số thuế**

Kính gửi: …………………………………………………

1. Tên người nộp thuế *(ghi theo tên NNT đã đăng ký thuế hoặc đăng ký doanh nghiệp)*: ………………….………………………………………………………

2. Mã số thuế: ……………………………………………………………………

3. Địa chỉ trụ sở *(ghi theo địa chỉ trụ sở của tổ chức đã đăng ký thuế hoặc của doanh nghiệp, hợp tác xã đã đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hợp tác xã)*: …..…………….……………………….………………………………..............

4. Địa chỉ kinh doanh *(ghi địa chỉ kinh doanh của hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh đã đăng ký thuế*):…………………...………...…………….……………...

5. Lý do chấm dứt hiệu lực mã số thuế:……........................................................

...........................................................................................................................

...........................................................................................................................

6. Hồ sơ đính kèm:

……………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………

Người nộp thuế cam kết về tính chính xác, trung thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung của văn bản này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Ghi chú:***  *Người nộp thuế là tổ chức không phải đóng dấu khi đăng ký thuế và hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh không phải đóng dấu vào văn bản này.* | **NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**  *(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)* |

Mẫu số: **08-MST**

*(Kèm theo Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**TỜ KHAI**

**Điều chỉnh, bổ sung thông tin đăng ký thuế**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Doanh nghiệp,  hợp tác xã | Tổ chức | Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh | Cá nhân | Khác |

|  |  |
| --- | --- |
| **1. Tên người nộp thuế:** | |
| **2. Mã số thuế:** | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | |  |  |  | |
| **3. Địa chỉ trụ sở chính:** | |
| **4. Thông tin đại lý thuế (nếu có):** | |
| 4a. Tên: | |
| 4b. Mã số thuế: | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | |  |  |  | |
| 4c. Hợp đồng đại lý thuế: Số ngày | |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Chỉ tiêu (1)** | **Thông tin đăng ký cũ (2)** | **Thông tin đăng ký mới (3)** |
| **I- Điều chỉnh, bổ sung thông tin trên tờ khai đăng ký thuế:**  Ví dụ:  - Chỉ tiêu 4: Địa chỉ nhận thông báo thuế trên tờ khai 01-ĐK-TCT  - .....  **II- Điều chỉnh, bổ sung thông tin bảng kê kèm theo tờ khai đăng ký thuế:**  Ví dụ:  - Bảng kê BK02-ĐK-TCT  - ... | 124 Lò Đúc-Hà Nội | 235 Nguyễn Thái Học - Hà Nội  Bổ sung đơn vị phụ thuộc  ... |

Đăng ký bổ sung, thay đổi các chỉ tiêu đăng ký thuế như sau:

Người nộp thuế cam đoan những thông tin kê khai trên là hoàn toàn chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những thông tin đã khai./.

|  |  |
| --- | --- |
| **NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ**  Họ và tên:…….  Chứng chỉ hành nghề số:....... | *......, ngày ....... tháng ..... năm .........*  **NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**  *Ký, ghi họ tên và đóng dấu (nếu có)* |
|  |  |

Ghi chú:

- Cột (1): Ghi tên các chỉ tiêu có thay đổi trên tờ khai đăng ký thuế hoặc các bảng kê kèm theo hồ sơ đăng ký thuế.

- Cột (2): Ghi lại nội dung thông tin đăng ký thuế đã kê khai trong lần đăng ký thuế gần nhất.

- Cột (3): Ghi chính xác nội dung thông tin đăng ký thuế mới thay đổi hoặc bổ sung.